

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huôi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 19/11/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huôi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Golden Field, số 24 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huyền Chủ tịch

Ông Trần Đức Hậu Thành viên

Ông Dương Văn Quyền Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Vân Trưởng ban

Bà Vũ Thị Trà Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 07/5/2021)

Ông Nguyễn Văn Mạnh Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/5/2021)

Bà Đặng Thị Huyền Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Văn Quyền Tổng Giám đốc

Ông Đào Kim Cương Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Phương Châu Giám đốc Thiết bị (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc Công ty,



Dương Văn Quyền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số: 147/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Quý Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được lập ngày 23/3/2022 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



A blue handwritten signature.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		11.808.992.604	227.655.546.313
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	227.443.725	248.745.201
1. Tiền	111		227.443.725	248.745.201
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.028.775.238	222.429.985.238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.372.159.199	122.370.251.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		149.025.000	311.105.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.507.591.039	99.748.629.092
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.316.394.514	4.815.797.951
1. Hàng tồn kho	141		1.316.394.514	4.815.797.951
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		236.379.127	161.017.923
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	236.379.127	161.017.923
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		694.838.124.928	646.052.554.183
II. Tài sản cố định	220		449.847.624.387	461.325.200.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	449.847.624.387	461.325.200.445
- Nguyên giá	222		606.647.558.631	604.288.078.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.799.934.244)	(142.962.878.186)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	28.860.909
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	28.860.909
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	231.522.526.483	170.501.379.522
1. Đầu tư vào công ty con	251		90.860.000.000	87.295.256.323
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		159.550.000.000	102.242.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.887.473.517)	(19.035.876.801)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.467.974.058	14.197.113.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	13.467.974.058	14.197.113.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		706.647.117.532	873.708.100.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		282.433.336.675	460.811.829.592
I. Nợ ngắn hạn	310		92.814.676.675	208.738.431.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.955.230.500	6.736.318.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	-	135.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	15.962.159.072	27.342.961.201
4. Phải trả người lao động	314		996.581.340	1.286.535.956
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	390.319.407	348.133.413
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	28.188.516.613	26.581.482.128
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	41.656.160.000	11.443.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.665.709.743	-
II. Nợ dài hạn	330		189.618.660.000	252.073.398.225
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	-	22.413.458.225
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	189.618.660.000	229.659.940.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		424.213.780.857	412.896.270.904
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	424.213.780.857	412.896.270.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.668.326.312	5.350.816.359
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.595.106.616	(66.256.175.066)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.073.219.696	71.606.991.425
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		706.647.117.532	873.708.100.496
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Dương Văn Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	56.580.254.202	93.690.568.378
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		56.580.254.202	93.690.568.378
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	32.792.879.220	60.821.766.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		23.787.374.982	32.868.802.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	80.377.203.175	141.939.711.480
7. Chi phí tài chính	22	6.4	28.620.654.909	51.954.983.376
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>22.023.801.870</i>	<i>45.487.020.571</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.863.238.474	7.076.207.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		69.680.684.774	115.777.323.179
11. Thu nhập khác	31	6.6	553.589	1.561.795.289
12. Chi phí khác	32	6.6	1.179.273.314	2.130.572.999
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.178.719.725)	(568.777.710)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		68.501.965.049	115.208.545.469
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	13.928.745.353	23.351.554.044
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		54.573.219.696	91.856.991.425

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đương Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.501.965.049	115.208.545.469
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		13.837.056.058	21.080.365.360
- Các khoản dự phòng	03		6.596.853.039	6.306.733.905
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc tiền tệ	04		-	(2.336.400)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(80.377.203.175)	(141.175.573.500)
- Chi phí lãi vay	06		22.023.801.870	45.487.020.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.582.472.841	46.904.755.405
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.109.210.000	(96.336.347.513)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.499.403.437	(1.757.800.983)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.003.857.617)	26.960.286.094
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		653.778.045	(2.986.689.914)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(37.240.040.813)	(43.771.331.116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.351.554.044)	(998.384.484)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(90.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.159.411.849	(71.985.512.511)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.359.480.000)	(4.191.464.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(239.210.000.000)	(172.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		245.256.806.200	342.561.771.443
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.396.975	4.691.603.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.691.723.175	170.861.910.307
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.900.000.000	27.372.006.363
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.728.120.000)	(108.143.417.363)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.044.316.500)	(17.990.115.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.872.436.500)	(98.761.526.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(21.301.476)	114.871.296
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		248.745.201	133.873.905
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	227.443.725	248.745.201

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đương Văn Quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 19/11/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Golden Field, số 24 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Số lao động tại ngày 31/12/2021 là 40 người (số lao động tại ngày 31/12/2020 là 41 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao Thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh điện năng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,77%	99,77%	99,77%
Công ty Liên kết					
Công ty cổ phần Hoàng Long Mộc Châu	Nà Bó 2, Mường Sang, Mộc Châu, Sơn La	Xây dựng và kinh doanh khu du lịch sinh	15,00%	15,00%	15,00%
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	40,15%	40,15%	40,15%
Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam	Lô CN6, Cụm công nghiệp Văn Phong, Văn Phong, Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	20,00%	20,00%	20,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phần mềm quản lý và tài sản cố định khác	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định và theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện và doanh thu khác (doanh thu bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính CERs, ...)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

Ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy Thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La có địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ do đó được hưởng các ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư số 67/2014/QH13:

- Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2023)
- Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2012)
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến hết năm 2021).

Năm 2021 là năm thứ năm thứ 13 Công ty được hưởng mức thuế TNDN là 10% và năm thứ 9 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	146.055.269	131.778.920
Tiền gửi ngân hàng	81.388.456	116.966.281
Tổng	227.443.725	248.745.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	6.372.159.199	122.370.251.146
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn	6.372.159.199	6.678.251.146
Điện lực Việt Nam	-	115.692.000.000
Vương Thanh Tùng (*)	-	-
Tổng	6.372.159.199	122.370.251.146

(*) Khoản phải thu của ông Vương Thanh Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và ông Vương Thanh Tùng về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 12.960.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 132.192.000.000 đồng, đã thanh toán hết trong tháng 02/2021.

5.3 Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.507.591.039	-	99.748.629.092	-
Tạm ứng	3.488.671.039	-	500.066.495	-
Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	12.000.000	-
Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	-	-	235.152.597	-
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình (1)	-	-	27.000.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Tuyển (2)	-	-	36.000.000.000	-
Bà Vũ Thị Trà (2)	-	-	36.000.000.000	-
Phải thu khác	11.920.000	-	1.410.000	-
Tổng	3.507.591.039	-	99.748.629.092	-

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)

(1) Khoản đặt cọc thực hiện theo Nghị quyết số 2110/NQ-HĐQT ngày 21/10/2020 về việc thông qua Phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình. Theo đó giá trị đầu tư là 30 tỷ đồng, tỷ lệ đặt cọc 90%. Số dư đặt cọc mua cổ phần thực hiện theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng đặt cọc số 2610A/2020/HDDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Văn Hường (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã thực hiện hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2503B/2021/HĐCN-NNH ngày 25/3/2021, giá trị thực hiện là 10 tỷ đồng.

- Hợp đồng đặt cọc số 2610B/2020/HDDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Ngọc Hà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã thực hiện hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2503A/2021/HĐCN-NNH ngày 25/3/2021. Giá trị hợp đồng đã thực hiện là 4 tỷ đồng.

- Hợp đồng đặt cọc số 2310/2020/HDDC-NED ngày 23/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Đức Hậu (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 27/02/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu khác (Tiếp theo)

(2) Thực hiện theo Nghị quyết số 2512/NQ-HĐQT ngày 25/12/2020 của HĐQT Công ty về Phương án đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư KCN Việt - Nhật. Theo đó, giá trị đầu tư: 80 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc tối đa 90% là 72 tỷ đồng.

Công ty thực hiện ký 2 hợp đồng đặt cọc như sau:

- Hợp đồng đặt cọc số 2612B/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Xuân Tuyên (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt - Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 10/03/2021.

- Hợp đồng đặt cọc số 2612A/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và bà Vũ Thị Trà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 10/3/2021.

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	96.486.864	-	13.209.500	-
Công cụ, dụng cụ	1.219.907.650	-	4.802.588.451	-
Tổng	1.316.394.514	-	4.815.797.951	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	236.379.127	161.017.923
Chi phí bảo hiểm công trình	236.379.127	161.017.923
Dài hạn	13.467.974.058	14.197.113.307
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	1.118.732.729	1.233.474.545
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	11.461.438.157	11.667.719.254
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	421.005.994	496.571.854
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	283.168.036	461.217.960
Chi phí dự toán, khảo sát nhà máy	183.629.142	338.129.694
Tổng	13.704.353.185	14.358.131.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	422.795.831.218	180.520.542.458	-	971.704.955	604.288.078.631
Tăng trong năm	-	-	2.359.480.000	-	2.359.480.000
Mua trong năm	-	-	2.359.480.000	-	2.359.480.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	422.795.831.218	180.520.542.458	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	95.258.338.921	47.117.570.190	-	586.969.075	142.962.878.186
Tăng trong năm	8.984.551.020	4.322.253.984	294.935.004	291.276.094	13.893.016.102
Khấu hao trong năm	8.928.590.976	4.322.253.984	294.935.004	291.276.094	13.837.056.058
Điều chuyển, phân loại lại	55.960.044	-	-	-	55.960.044
Giảm trong năm	-	55.960.044	-	-	55.960.044
Điều chuyển, phân loại lại	-	55.960.044	-	-	55.960.044
Số dư tại 31/12/2021	104.242.889.941	51.383.864.130	294.935.004	878.245.169	156.799.934.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	327.537.492.297	133.402.972.268	-	384.735.880	461.325.200.445
Tại 31/12/2021	318.552.941.277	129.136.678.328	2.064.544.996	93.459.786	449.847.624.387

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 449.754.164.601 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2021 là 461.022.917.614 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 8.949.168.736 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2021 là 7.974.299.327 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	-	-
Tại 31/12/2021	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2021 là 360.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2021			01/01/2021		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị		Giá gốc	Giá trị	
				hợp lý	Dự phòng		hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			90.860.000.000		(18.887.473.517)	87.295.256.323		(19.035.876.801)
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc (1)	0,00%	0,00%	-			6.745.256.323		(6.745.256.323)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La (2)	99,77%	99,77%	90.860.000.000		(18.887.473.517)	80.550.000.000		-12.290.620.478
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			159.550.000.000		-	102.242.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện Nậm Chiến (3)	0,00%	0,00%	-		-	102.242.000.000		-
Công ty cổ phần HNC Ninh Bình (4)	0,00%	0,00%	-		-	-		-
Công ty cổ phần Hoàng Long Mộc Châu (5)	15,00%	15,00%	31.050.000.000		-	-		-
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc (6)	40,15%	40,15%	80.500.000.000		-	-		-
Công ty cổ phần Shisho Việt Nam (7)	20,00%	20%	48.000.000.000		-	-		-
Tổng			250.410.000.000	(*)	(18.887.473.517)	189.537.256.323	(*)	(19.035.876.801)

(1): Giải thể Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu Xây dựng Tây Bắc theo Nghị quyết số 16-1/NQ-HĐQT ngày 15/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Văn bản số 16/5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La về việc giải thể Công ty.

(2): Thực hiện việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La theo Nghị quyết số 05-1/NQ-HĐQT ngày 13/2/2020; Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 23/6/2020 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(3): Công ty thoái vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Đến ngày 04/01/2021, các bên đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến. Giá trị chuyển nhượng là 181.080.806.200 đồng, lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong năm là 78.838.806.200 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(4): Thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần HNC Ninh Bình theo Nghị quyết số 02B/NQ-HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị đầu tư là 14 tỷ đồng, tương ứng 46,67% vốn điều lệ. Tổng số cổ phần nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng số 2503B/2021/HĐCN/NED-TVH và Hợp đồng số 2503A/HĐCN/NED-NNH ngày 25/3/2021 là 1.400.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), giá trị chuyển nhượng là 14 tỷ đồng.

Công ty thoái vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2021/HĐCN/AVE-NED ngày 10/9/2021 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Âu Việt. Đến ngày 13/9/2021, các bên đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình. Giá trị chuyển nhượng là 14.175.000.000 đồng.

(5): Thực hiện góp vốn bằng tiền thành lập Công ty cổ phần Hoàng Long Mộc Châu theo Nghị quyết số 02A/NQ-HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị góp vốn là 99 tỷ đồng trong tổng vốn điều lệ là 207 tỷ đồng (tương ứng với 20,7 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Công ty thực hiện chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần Hoàng Long Mộc Châu theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Tổng số cổ phần chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 27/09/2021 là 6.795.000 cổ phần (mệnh giá 10.200 đồng/cổ phần), giá trị chuyển nhượng là 69 tỷ đồng.

(6): Thực hiện nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 05/3/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng số 01/2021/HĐCNVG ngày 05/3/2021 là 80,5 tỷ đồng, tương ứng 40,15% vốn điều lệ (Vốn điều lệ là 200,5 tỷ đồng).

(7): Thực hiện góp vốn bằng tiền thành lập Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 04/10/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị góp vốn là 48 tỷ đồng trong tổng vốn điều lệ là 240 tỷ đồng (tương ứng với 24 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 28/12/2021 của Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty dự kiến kế hoạch thoái vốn toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam với giá bán 11.500 đồng/cổ phần, giá trị chuyển nhượng 55.200.000.000 đồng, lãi từ hoạt động chuyển nhượng dự kiến là 7.200.000.000 đồng.

(*): Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	-	-	527.453.240	527.453.240
Công ty TNHH CN Năng lượng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần Nạo vét hồ thủy điện	-	-	600.450.000	600.450.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và thương mại Nam Hà	-	-	1.067.126.500	1.067.126.500
Phải trả người bán khác	583.656.570	583.656.570	2.169.714.999	2.169.714.999
Tổng	2.955.230.500	2.955.230.500	6.736.318.669	6.736.318.669

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	-	-	527.453.240	527.453.240
Công ty TNHH CN Năng lượng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần cơ khí và thương mại Nam Hà	-	-	237.368.000	237.368.000
Tổng	2.371.573.930	2.371.573.930	3.136.395.170	3.136.395.170

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	135.000.000.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Ngọc (*)	-	135.000.000.000
Tổng	-	135.000.000.000

(*) Số tiền thanh toán trước cho Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 về việc chuyển nhượng 6.638.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng 3.585.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN và Hợp đồng chuyển nhượng 2512/2020/HĐCN đã được thanh lý và các bên đã hoàn thiện thủ tục điều chỉnh sổ cổ đông, cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tại ngày 04/01/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	27.342.961.201	25.339.492.363	36.720.294.492	15.962.159.072
Thuế giá trị gia tăng	1.089.606.619	4.701.529.894	4.611.190.646	1.179.945.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.350.560.655	13.929.738.742	23.351.554.044	13.928.745.353
Thuế thu nhập cá nhân	624.717.576	1.257.270.737	1.591.683.318	290.304.995
Thuế tài nguyên	1.083.596.959	3.074.103.214	3.959.693.196	198.006.977
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	1.194.479.392	2.318.630.116	3.172.149.872	340.959.636
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	58.219.660	34.023.416	24.196.244

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN năm hiện hành là 13.929.738.742 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2020 là 993.389 đồng.

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	296.683.043	254.497.049
Chi phí trích trước khác	80.000.000	80.000.000
Tổng	390.319.407	348.133.413

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	28.188.516.613	26.581.482.128
Kinh phí công đoàn	337.984.069	328.246.441
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng (*)	22.415.420.286	15.260.386.498
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Công ty Cổ phần SOMEKO Sông Đà	-	8.076.597.856
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	740.363.637	740.363.637
Phải trả tiền cổ tức	4.439.044.000	1.983.360.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	178.699.717	115.522.292
Dài hạn	-	22.413.458.225
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng	-	22.413.458.225
Tổng	28.188.516.613	48.994.940.353

(*) Theo Biên bản thỏa thuận trả nợ giữa BIDV Sơn La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc ngày 11/02/2022 về lịch trả nợ năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
		năng trả nợ				năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	41.656.160.000	41.656.160.000	41.941.280.000	11.728.120.000	11.443.000.000	11.443.000.000
a.1) Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
a.2) Vay dài hạn đến hạn trả	41.656.160.000	41.656.160.000	41.941.280.000	11.728.120.000	11.443.000.000	11.443.000.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	8.156.000.000	8.156.000.000	8.156.000.000	8.023.000.000	8.023.000.000	8.023.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	7.216.000.000	7.216.000.000	7.216.000.000	6.453.000.000	6.453.000.000	6.453.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HỆTD (1.1)	7.058.000.000	7.058.000.000	7.058.000.000	6.293.000.000	6.293.000.000	6.293.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNC (1.2)	158.000.000	158.000.000	158.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	940.000.000	940.000.000	940.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HỆTD (1.1)	417.000.000	417.000.000	417.000.000	1.032.000.000	1.032.000.000	1.032.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNC (1.2)	523.000.000	523.000.000	523.000.000	538.000.000	538.000.000	538.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	33.120.000.000	33.120.000.000	33.120.000.000	3.420.000.000	3.420.000.000	3.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	31.410.000.000	31.410.000.000	31.410.000.000	904.000.000	904.000.000	904.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HỆTD (2.1)	31.410.000.000	31.410.000.000	31.410.000.000	904.000.000	904.000.000	904.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.710.000.000	1.710.000.000	1.710.000.000	2.516.000.000	2.516.000.000	2.516.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HỆTD (2.1)	1.590.000.000	1.590.000.000	1.590.000.000	2.396.000.000	2.396.000.000	2.396.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNS (2.2)	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	380.160.000	380.160.000	665.280.000	285.120.000	-	-
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	380.160.000	380.160.000	665.280.000	285.120.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
		năng trả nợ				năng trả nợ
b) Vay dài hạn	189.618.660.000	189.618.660.000	1.614.880.000	41.656.160.000	229.659.940.000	229.659.940.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	96.174.540.000	96.174.540.000	-	8.156.000.000	104.330.540.000	104.330.540.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	60.088.515.000	60.088.515.000	-	7.216.000.000	67.304.515.000	67.304.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HỆTD (1.1)	59.898.515.000	59.898.515.000	-	7.058.000.000	66.956.515.000	66.956.515.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNC (1.2)	190.000.000	190.000.000	-	158.000.000	348.000.000	348.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	36.086.025.000	36.086.025.000	-	940.000.000	37.026.025.000	37.026.025.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HỆTD (1.1)	35.225.485.000	35.225.485.000	-	417.000.000	35.642.485.000	35.642.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNC (1.2)	860.540.000	860.540.000	-	523.000.000	1.383.540.000	1.383.540.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	92.209.400.000	92.209.400.000	-	33.120.000.000	125.329.400.000	125.329.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	35.148.000.000	35.148.000.000	-	31.410.000.000	66.558.000.000	66.558.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HỆTD (2.1)	35.148.000.000	35.148.000.000	-	31.410.000.000	66.558.000.000	66.558.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	57.061.400.000	57.061.400.000	-	1.710.000.000	58.771.400.000	58.771.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HỆTD (2.1)	53.363.400.000	53.363.400.000	-	1.590.000.000	54.953.400.000	54.953.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HỆTDNS (2.2)	3.698.000.000	3.698.000.000	-	120.000.000	3.818.000.000	3.818.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	1.234.720.000	1.234.720.000	1.614.880.000	380.160.000	-	-
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	1.234.720.000	1.234.720.000	1.614.880.000	380.160.000	-	-
Tổng	231.274.820.000	231.274.820.000	43.556.160.000	53.384.280.000	241.102.940.000	241.102.940.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công**

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.
- Thời hạn vay: Kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/9/2025)
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sọi;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Theo Biên bản thỏa thuận trả nợ giữa BIDV Sơn La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc ngày 11/02/2022 về lịch trả nợ năm 2022, các bên thống nhất tiền gốc trả nợ trước hạn năm 2022 là 30.000.000.000 đồng.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTD ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sọi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sọi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

(3) Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/03/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo trong từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	405.000.000.000	2.545.454.545	(66.256.175.066)	341.289.279.479
Lãi trong năm trước	-	-	91.856.991.425	91.856.991.425
Chia trả cổ tức năm 2020 (*)	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	405.000.000.000	2.545.454.545	5.350.816.359	412.896.270.904
Số dư tại 01/01/2021	405.000.000.000	2.545.454.545	5.350.816.359	412.896.270.904
Lãi trong năm nay	-	-	54.573.219.696	54.573.219.696
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(2.755.709.743)	(2.755.709.743)
Tạm ứng chia trả cổ tức 2021 (**)	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	405.000.000.000	2.545.454.545	16.668.326.312	424.213.780.857

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Theo đó, phân phối Quỹ khen thưởng là 1.837.139.829 đồng, Quỹ phúc lợi là 918.569.914 đồng, chia cổ tức là 20.250.000.000 đồng.

Năm 2020, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/9/2020. Số tiền tạm ứng cổ tức là 20,25 tỷ đồng.

(**): Công ty tạm phân phối cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2021 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 18/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc với tỷ lệ là 10% Vốn điều lệ.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	-	211.938.790.000
Ông Trần Văn Huyền	197.000.000	80.000.000.000
Các cổ đông khác	404.803.000.000	113.061.210.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	40.500.000.000	20.250.000.000
Phân phối các quỹ	2.755.709.743	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	53.009.716.532	93.404.692.443
Doanh thu chứng chỉ Res	2.442.049.170	-
Doanh thu khác	1.128.488.500	285.875.935
Tổng	56.580.254.202	93.690.568.378

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn điện thương phẩm	30.072.368.773	60.535.890.256
Giá vốn chứng chỉ Res	1.592.021.947	-
Giá vốn khác	1.128.488.500	285.875.935
Tổng	32.792.879.220	60.821.766.191

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	4.396.975	4.691.603.637
Lãi bán các khoản đầu tư	80.372.806.200	137.245.771.443
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.336.400
Tổng	80.377.203.175	141.939.711.480

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	22.023.801.870	45.487.020.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.228.900
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	6.596.853.039	6.306.733.905
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	150.000.000
Tổng	28.620.654.909	51.954.983.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.863.238.474	7.076.207.112
Chi phí nhân viên quản lý	2.413.428.810	3.131.314.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	749.394.579	779.029.472
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.099.730.902	441.195.754
Thuê phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.296.672.851	1.375.400.765
Chi phí bằng tiền khác	301.011.332	1.349.266.874
Tổng	5.863.238.474	7.076.207.112

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ	-	1.561.795.289
Thu nhập khác	553.589	
Tổng	553.589	1.561.795.289
Chi phí khác		
Chênh lệch thuần giữa giá trị còn lại cao hơn giá bán của tài sản thanh lý	-	761.801.580
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	1.141.761.715	1.367.410.685
Chi phí khác	37.511.599	1.360.734
Tổng	1.179.273.314	2.130.572.999
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.178.719.725)	(568.777.710)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.501.965.049	115.208.545.469
- Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	80.372.806.200	137.245.771.443
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	(11.870.841.151)	(22.037.225.974)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.141.761.715	1.549.224.752
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.141.761.715</i>	<i>1.549.224.752</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	69.643.726.764	116.757.770.221
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	80.372.806.200	137.245.771.443
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	(10.729.079.436)	(20.488.001.222)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	13.928.745.353	23.351.554.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.314.900.107	9.665.396.653
Chi phí nhân công	7.404.997.276	9.000.937.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.837.056.058	21.080.365.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.936.003.135	14.670.110.277
Chi phí khác bằng tiền	1.571.139.171	2.304.422.982
Tổng	37.064.095.747	56.721.233.058

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 28/12/2021 của Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty dự kiến thoái vốn toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam với giá bán 11.500 đồng/cổ phần, giá trị chuyển nhượng 55.200.000.000 đồng, lãi từ hoạt động chuyển nhượng dự kiến là 7.200.000.000 đồng.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị			
Đỗ Quang Lợi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/6/2020)	-	74.659.091
Trần Văn Huyền	Chủ tịch HĐQT	306.149.318	215.681.818
Dương Văn Quyền	Thành viên HĐQT kiêm TGD	330.288.841	218.349.803
Đặng Thị Kiều Trang	Thư ký HĐQT	233.360.387	92.348.814
Trần Đức Hậu	Thành viên	60.000.000	-
Ban Giám đốc			
Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	-	135.275.154
Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Sản xuất (Miễn nhiệm ngày 01/6/2020)	-	75.247.826
Nguyễn Phương Châu	Giám đốc thiết bị	45.613.636	129.043.866
Ban Kiểm soát			
Bùi Thị Vân	Trưởng ban	268.695.455	188.211.015
Vũ Thị Trà	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 07/5/2021)	187.515.130	-
Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/5/2021)	5.000.000	-
Đặng Thị Huyền	Thành viên	60.000.000	-
Tổng		1.496.622.767	1.128.817.387

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác				
Ông Trần Văn Hậu	Thành viên HĐQT	Đặt cọc mua cổ phần	-	9.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Ông Trần Văn Huyền	Cổ đông lớn	Bán cổ phần	-	14.433.000.000

7.3 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giải thể Công ty con	-	-
Giảm trừ giá gốc khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc	6.745.256.323	-
Giảm trừ khoản dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc	(6.745.256.323)	-

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Văn Quyền